

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2018

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 42

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company.

Công ty có trụ sở chính tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Phạm Thế Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)

#### **Ban kiểm soát**

Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Thế Chính	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2018)
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2018)
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc Tài chính

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Thế Chính**

**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018

Số: 678/2018/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty, được lập ngày 17 tháng 8 năm 2018, từ trang 5 đến trang 42, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được. Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
(TIẾP THEO)****Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



**Phan Huy Thăng**  
**Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1  
*Thay mặt và đại diện*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**  
*Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2018*

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ  
CẦU  
ĐƯỜNG CII**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII  
DN:  
email=maitranlugiaco@gmail.com, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII,  
o=MST:0300482241, l=70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh, c=VN  
Date: 2018.08.28 17:02:14 +07'00'

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.744.526.230.027</b>	<b>1.389.450.919.118</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>53.315.704.764</b>	<b>30.223.894.915</b>
1. Tiền	111		3.315.704.764	423.894.915
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	29.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.152.956.553</b>	<b>16.705.346.085</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	17.152.956.553	16.705.346.085
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.625.025.931.435</b>	<b>1.274.365.020.433</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	28.529.820.213	30.624.107.107
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	98.722.146.150	5.631.024.450
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	400.675.663.140	181.108.101.513
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.102.176.218.705	1.062.079.704.136
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.077.916.773)	(5.077.916.773)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>46.309.618.774</b>	<b>64.408.592.086</b>
1. Hàng tồn kho	141		46.309.618.774	65.036.199.658
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(627.607.572)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.722.018.501</b>	<b>3.748.065.599</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		32.510.270	86.204.191
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.120.832.924	2.046.600.934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.568.675.307	1.615.260.474
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.155.696.831.086</b>	<b>2.442.374.633.510</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>43.820.497.512</b>	<b>330.306.742.988</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	38.000.000.000	269.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	5.820.497.512	60.881.492.988
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.986.747.518</b>	<b>2.178.304.466</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.979.255.543	2.168.312.489
- Nguyên giá	222		3.112.044.571	3.112.044.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.132.789.028)	(943.732.082)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	7.491.975	9.991.977
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.508.025)	(40.008.023)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.391.222.931</b>	<b>1.391.222.931</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.391.222.931	1.391.222.931
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>2.108.498.363.125</b>	<b>2.108.498.363.125</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.954.014.883.125	1.954.014.883.125
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		154.483.480.000	154.483.480.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>3.900.223.061.113</b>	<b>3.831.825.552.628</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.639.576.745.148</b>	<b>1.610.859.940.880</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.286.293.176.223</b>	<b>1.240.826.151.455</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	8.115.036.235	19.897.607.506
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	6.712.089.378	8.802.866.142
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	22.288.890	109.331.311
4. Phải trả người lao động	314		-	227.400.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	4.754.499.598	5.946.666.183
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	246.199.004
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	296.271.406.676	48.929.975.863
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	969.610.230.000	1.155.173.730.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		807.625.446	1.492.375.446
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>353.283.568.925</b>	<b>370.033.789.425</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	-	252.220.500
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	353.283.568.925	369.781.568.925
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.260.646.315.965</b>	<b>2.220.965.611.748</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>2.260.646.315.965</b>	<b>2.220.965.611.748</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.860.510.378	44.860.510.378
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		283.580.407.491	243.899.703.274
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		243.899.703.274	50.067.479.989
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		39.680.704.217	193.832.223.285
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>3.900.223.061.113</b>	<b>3.831.825.552.628</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018

  
Dương Thị Nhung  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Chính  
Kế toán trưởng

  
Phạm Thế Chính  
Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	21.945.327.808	29.499.679.798
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	419.779.847	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	5.19	21.525.547.961	29.499.679.798
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	20.112.625.585	27.256.165.164
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.412.922.376	2.243.514.634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	110.243.996.841	98.452.115.986
7. Chi phí tài chính	22	5.22	69.045.020.503	61.142.573.768
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		69.045.020.503	45.679.994.413
8. Chi phí bán hàng	25		65.700.000	183.234.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	3.473.958.940	3.388.864.943
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		39.072.239.774	35.980.957.409
11. Thu nhập khác	31	5.24	802.158.462	160.000.000
12. Chi phí khác	32	5.25	193.694.019	127.494.953
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		608.464.443	32.505.047
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		39.680.704.217	36.013.462.456
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.26	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		39.680.704.217	36.013.462.456

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018



Dương Thị Nhung  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính  
Kế toán trưởng




Phạm Thế Chính  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	39.680.704.217	36.013.462.456
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	191.556.948	169.863.570
Các khoản dự phòng	3	(627.607.572)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(39.599)	37.723
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(110.243.957.242)	(82.989.574.354)
Chi phí lãi vay	6	69.045.020.503	45.679.994.413
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(1.954.322.745)	(1.126.216.192)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	8.936.770.234	15.264.040.115
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	11.030.826.409	(13.999.909.902)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(27.341.381.655)	(2.727.762.024)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	53.693.921	(445.982.813)
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.786.467.909)	(35.686.224.699)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(936.970.500)	(410.605.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(39.997.852.245)</b>	<b>(39.132.660.890)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.559.019.840)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.732.610.468)	(118.545.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	73.619.688.373	212.354.835.291
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(259.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	113.112.960.000	113.112.960.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	90.151.084.590	109.583.746.252
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>265.151.122.495</b>	<b>55.947.521.703</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
		VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	295.250.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(202.061.500.000)	(99.150.400.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(185.140.574.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(202.061.500.000)	10.959.025.600
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	23.091.770.250	27.773.886.413
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.223.894.915	2.404.636.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	39.599	(37.723)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	53.315.704.764	30.178.485.501

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018



Dương Thị Nhung  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính  
Kế toán trưởng



Phạm Thế Chính  
Tổng Giám đốc

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở tại số 00.22 - 00.23 Lakeview 1, số 10, đường R2, Phường An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,4%.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 15 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018: 15 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a - DN****1.3 Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	51,34%	51,34%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>				
1. Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	45%	45%	Cung cấp dịch vụ thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ và các dịch vụ hạ tầng khác

**1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:**

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tỷ giá Công ty áp dụng để đánh giá lại Tiền bằng ngoại tệ là 22.930 đồng/USD.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

*Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)*****Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2014.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (tiếp theo)****Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Nguyên tắc và phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.315.704.764	423.894.915
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	29.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>53.315.704.764</b>	<b>30.223.894.915</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn gốc dưới 3 tháng.

**5.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Tiền gửi có kỳ hạn	17.152.956.553	17.152.956.553	16.705.346.085	16.705.346.085

**5.3 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu các bên liên quan (i)	2.306.839.258	4.158.193.575
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Thầu Thiết kế & Xây dựng Dự án Tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - đường vành đai ngoài tại TP. Hồ Chí Minh	2.909.750.000	2.909.750.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	2.824.178.378	2.824.178.378
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.968.164.423	-
Công ty CP Hầm Lam	-	-
Các khách hàng khác	13.776.184.387	16.987.281.387
<b>Cộng</b>	<b>28.529.820.213</b>	<b>30.624.107.107</b>

(i) *Chi tiết phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan*

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.290.345.194	1.064.557.476
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431.312.458	431.312.458
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty CII	78.791.541	324.990.000
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	-	1.830.943.576
<b>Cộng</b>	<b>2.306.839.258</b>	<b>4.158.193.575</b>

**5.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	96.000.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Công ty CP Kim Sơn Hải	820.000.000	820.000.000
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc Xây dựng và Quản lý dự án Sáng Tạo Mới	528.185.000	528.185.000
Công ty CP Xây lắp điện Chiêu sáng	-	1.877.878.300
Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Thiết kế E.L.E	-	1.026.000.000
Các đối tượng khác	523.961.150	528.961.150
<b>Cộng</b>	<b>98.722.146.150</b>	<b>5.631.024.450</b>

(i) Khoản trả trước cho Công ty CP Đầu tư Tuấn Lộc để mua lại 51% phần vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên theo hợp đồng chuyển nhượng đã ký ngày 9 tháng 4 năm 2018. Số tiền trả trước được chuyển giao từ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII (CII Investment) theo thỏa thuận giữa 3 bên gồm Tuấn Lộc, CII B&R và CII Investment. Theo đó, Công ty ghi nhận khoản trả trước cho Tuấn Lộc đồng thời ghi nhận khoản phải trả cho CII Investment một khoản tương ứng (xem *Thuyết minh số 5.16*).

**5.5 PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	-
Công ty CII (ii)	168.605.413.140	180.748.101.513
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiến	645.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	-	360.000.000
	<b>400.675.663.140</b>	<b>181.108.101.513</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	-	231.425.250.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (iii)	38.000.000.000	38.000.000.000
	<b>38.000.000.000</b>	<b>269.425.250.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>438.675.663.140</b>	<b>450.533.351.513</b>
<b>Chi tiết phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty CII (ii)	168.605.413.140	180.748.101.513
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (iii)	38.000.000.000	38.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>206.605.413.140</b>	<b>218.748.101.513</b>

- (i) Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.
- (ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 với lãi suất được hưởng trong kỳ là 11%/năm.
- (iii) Khoản cho vay hỗ trợ vốn cho Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận theo hợp đồng ký ngày 5 tháng 12 năm 2017 nhằm mục đích thanh toán trước hạn nợ vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hạn mức cho vay là 50 tỷ VND, thời hạn cho vay là 3 năm kể từ ngày 6 tháng 12 năm 2017. Lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,8%/năm.



## 5.6 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	443.876.766.749	423.465.873.476
Phải thu Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh về vốn và lãi hợp tác đầu tư theo hợp đồng BCC (i)	505.867.252.746	481.432.609.768
<i>Phải thu gốc</i>	462.850.380.000	462.850.380.000
<i>Phải thu lãi</i>	43.016.872.746	18.582.229.768
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	64.951.210.674	-
Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	70.909.122.796	101.642.247.273
Khoản tạm chi góp vốn vào Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	10.310.000.000	-
Phải thu Công ty CP Hoàng An về vốn và lãi hợp tác đầu tư	2.164.201.375	52.420.364.500
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm	2.237.891.444	1.417.881.198
Các khoản cho mượn	658.355.000	655.355.000
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	9.000.000
Phải thu người lao động	122.274.000	87.274.000
Các khoản chi hộ	100.890.713	63.173.713
Các khoản phải thu khác	964.253.208	885.925.208
	<b>1.102.176.218.705</b>	<b>1.062.079.704.136</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Đặt cọc mua phần vốn góp trong Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu cho Công ty CP Thương mại Nước giải khát Khánh An	5.820.497.512	5.820.497.512
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	55.060.995.476
	<b>5.820.497.512</b>	<b>60.881.492.988</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.107.996.716.217</b>	<b>1.122.961.197.124</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CII	72.557.709.057	102.762.325.369
<i>Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc</i>	70.909.122.796	101.642.247.273
<i>Phải thu lãi cho vay</i>	1.648.586.261	1.120.078.096
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	174.863.590.718	180.819.302.205
<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	174.553.257.385	180.613.229.983
<i>Phải thu lãi cho vay</i>	310.333.333	206.072.222
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	169.942.699.077	137.192.342.355
Công ty TNHH MTV BOT Ninh Thuận	45.945.277.905	45.945.277.905
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	53.435.532.382	59.715.023.233
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	10.310.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	658.355.000	655.355.000
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>527.813.164.139</b>	<b>527.189.626.067</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CHII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN

**5.6 PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**

- (i) Khoản phải thu Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh gồm vốn và lãi hợp tác đầu tư theo hợp đồng BCC ký ngày 10 tháng 8 năm 2017. Theo đó, Công ty hợp tác với công ty Yên Khánh để đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

**5.7 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÓI**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.359.213.131	561.947.876	3.359.213.131	561.947.876
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.806.136.000	-	1.806.136.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	474.515.518	-	474.515.518	-
<b>Cộng</b>	<b>5.639.864.649</b>	<b>561.947.876</b>	<b>5.639.864.649</b>	<b>561.947.876</b>

*Đơn vị tính: VND***5.8 HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	32.650.364	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.456.000	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.198.318.774	-	64.297.292.086	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	<i>7.771.216.711</i>	-	<i>18.174.435.548</i>	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	<i>82.197.295</i>	-	<i>82.197.295</i>	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	<i>38.344.904.768</i>	-	<i>46.040.659.243</i>	-
Thành phẩm	-	-	528.730.757	(528.730.757)
Hàng hóa	111.300.000	-	176.070.451	(64.770.451)
<b>Cộng</b>	<b>46.309.618.774</b>	<b>-</b>	<b>65.036.199.658</b>	<b>(627.607.572)</b>

*Đơn vị tính: VND*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a - DN**5.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2018	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2018	427.574.354	516.157.728	943.732.082
Tăng trong kỳ	42.902.328	146.154.618	189.056.946
Khấu hao trong kỳ	42.902.328	146.154.618	189.056.946
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	470.476.682	662.312.346	1.132.789.028
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2018	427.185.302	1.741.127.187	2.168.312.489
Tại ngày 30/06/2018	384.282.974	1.594.972.569	1.979.255.543

**5.10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Bản quyền phần mềm	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2018 và tại ngày 30/06/2018	50.000.000	50.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2018	40.008.023	40.008.023
Tăng trong kỳ	2.500.002	2.500.002
Khấu hao trong kỳ	2.500.002	2.500.002
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2018	42.508.025	42.508.025
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2018	9.991.977	9.991.977
Tại ngày 30/06/2018	7.491.975	7.491.975

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN

**5.11 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2018					
	Tỷ lệ			30/06/2018		
	Vốn năm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
<b>a. Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	430.425.833.333	-	(i)	430.425.833.333
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	335.996.028.454	-	(i)	335.996.028.454
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	300.659.554.167	-	(i)	300.659.554.167
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	89,98%	89,98%	285.599.341.399	-	(i)	285.599.341.399
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xã lộ Hà Nội	51%	51%	258.876.000.000	-	(i)	258.876.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	51,34%	51,34%	246.458.125.772	-	(i)	246.458.125.772
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	99,99%	99,99%	96.000.000.000	-	(i)	96.000.000.000
<b>Cộng</b>			<u>1.954.014.883.125</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.954.014.883.125</u>
<b>b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10%	10%	154.483.480.000	-	(i)	154.483.480.000
<b>Cộng</b>			<u>154.483.480.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>154.483.480.000</u>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời, các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a - DN**5.12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		01/01/2018	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên liên quan (i)	5.824.845.630	5.824.845.630	12.831.751.289	12.831.751.289
Công ty CP Thương mại Xây dựng Kỹ thuật Thiên Thành	957.674.400	957.674.400	1.360.174.200	1.360.174.200
Các nhà cung cấp khác	1.332.516.205	1.332.516.205	5.705.682.017	5.705.682.017
<b>Cộng</b>	<b>8.115.036.235</b>	<b>8.115.036.235</b>	<b>19.897.607.506</b>	<b>19.897.607.506</b>

*(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan*

Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	5.624.604.460	5.624.604.460	12.603.932.389	12.603.932.389
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	200.241.170	200.241.170	227.818.900	227.818.900
<b>Cộng</b>	<b>5.824.845.630</b>	<b>5.824.845.630</b>	<b>12.831.751.289</b>	<b>12.831.751.289</b>

**5.13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	3.236.386.150	3.069.805.150
Công ty CP Sonadezi Giang Điền	1.371.997.135	2.367.029.000
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	-	1.161.925.269
Các đối tượng khác	2.103.706.093	2.204.106.723
<b>Cộng</b>	<b>6.712.089.378</b>	<b>8.802.866.142</b>
<i>Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>		
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	35.550.000	35.550.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a - DN****5.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2018
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Tiền thuế đất nộp thừa	437.828.919	46.585.167	-	391.243.752
<b>Cộng</b>	<b>1.615.260.474</b>	<b>46.585.167</b>	<b>-</b>	<b>1.568.675.307</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	109.331.311	330.606.800	417.649.221	22.288.890
Các khoản khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>109.331.311</b>	<b>334.606.800</b>	<b>421.649.221</b>	<b>22.288.890</b>

**5.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.661.999.598	5.780.832.850
Chi phí phải trả khác	92.500.000	165.833.333
<b>Cộng</b>	<b>4.754.499.598</b>	<b>5.946.666.183</b>

**5.16 PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	-	3.762.000
Bảo hiểm xã hội	22.435.605	-
Bảo hiểm y tế	3.958.830	-
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần công ty con từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	153.213.525.029	22.797.737.415
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII ( <i>Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.4</i> )	96.000.000.000	-
Khoản nhận trước lợi nhuận (i)	43.595.959.983	23.266.554.784
Các khoản thu hộ	3.000.000.000	2.400.000.000
Các khoản phải trả khác	435.527.229	461.921.664
	<b>296.271.406.676</b>	<b>48.929.975.863</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	252.220.500
	-	<b>252.220.500</b>
<b>Cộng</b>	<b>296.271.406.676</b>	<b>49.182.196.363</b>
<i>Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan</i>		
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	153.213.525.029	22.797.737.415
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	96.000.000.000	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	43.595.959.983	23.266.554.784
<b>Cộng</b>	<b>292.809.485.012</b>	<b>46.064.292.199</b>

Số dư phải trả cho Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu thể hiện khoản tiền nhận tạm ứng lợi nhuận chưa được chính thức công bố chia từ công ty con này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN

**5.17 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

*a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn*

	30/06/2018		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm
Công ty CII	848.559.130.000	848.559.130.000	-	50.477.000.000
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i> )	121.051.100.000	121.051.100.000		
<b>Cộng</b>	<b>969.610.230.000</b>	<b>969.610.230.000</b>	<b>-</b>	<b>50.477.000.000</b>
				<b>1.155.173.730.000</b>
				<b>1.155.173.730.000</b>

*b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn*

	30/06/2018		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	380.017.568.925	380.017.568.925	-	10.529.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	94.317.100.000	94.317.100.000	-	105.305.500.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	-	-	35.750.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(121.051.100.000)	(121.051.100.000)		
<b>Cộng</b>	<b>353.283.568.925</b>	<b>353.283.568.925</b>	<b>-</b>	<b>151.584.500.000</b>
				<b>369.781.568.925</b>
				<b>369.781.568.925</b>

*Đơn vị tính: VND*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN

**5.17 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Đơn vị tính: VND*

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Công ty CII	385.708.750.000	12 tháng	31/12/2018	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
	462.850.380.000	Thanh toán khi CII yêu cầu		10,5%/năm	Hỗ trợ vốn cho Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh	Cổ phần của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà công ty này sở hữu
	<b>848.559.130.000</b>					
<i>Vay dài hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	299.833.945.641	8,5 năm	25/11/2023	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,5%	Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong tương lai từ các khoản đầu tư
	80.183.623.284	7 năm	02/12/2022		Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	
	<b>380.017.568.925</b>					
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	94.317.100.000	2 năm	31/12/2018	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,3%	Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII và góp vốn vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Các lợi ích thu được trong tương lai từ việc đầu tư vào Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn sau khi đảm bảo các nghĩa vụ của CII với Vietinbank liên quan đến gói trái phiếu CII-B2013-1 phát hành bởi CII ngày 17 tháng 4 năm 2013



**5.17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

*Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau*

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	121.051.100.000	256.137.600.000
Trong năm thứ hai	37.755.000.000	29.732.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	296.409.568.925	263.221.568.925
Sau năm năm	19.119.000.000	76.828.000.000
<b>Cộng</b>	<b>474.334.668.925</b>	<b>625.919.168.925</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(121.051.100.000)	(256.137.600.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>353.283.568.925</b>	<b>369.781.568.925</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN

**5.18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2017	1.928.547.650.000	3.657.748.096	34.626.496.378	236.972.785.818	2.203.804.680.292
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	204.680.278.285	204.680.278.285
Chia cổ tức	-	-	-	(185.140.574.400)	(185.140.574.400)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.234.014.000	(10.234.014.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(2.378.772.429)	(2.378.772.429)
Tại ngày 01/01/2018	1.928.547.650.000	3.657.748.096	44.860.510.378	243.899.703.274	2.220.965.611.748
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	39.680.704.217	39.680.704.217
Tại ngày 30/06/2018	1.928.547.650.000	3.657.748.096	44.860.510.378	283.580.407.491	2.260.646.315.965

Đơn vị tính: VND

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu

## 5.19 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	19.536.412.604	27.254.064.270
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.408.915.204	2.245.615.528
<b>Cộng</b>	<b>21.945.327.808</b>	<b>29.499.679.798</b>
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
Giảm giá hàng bán	(419.779.847)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>21.525.547.961</b>	<b>29.499.679.798</b>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	295.446.000	295.446.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	2.113.469.204	1.945.452.968
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	5.574.703.526
<b>Cộng</b>	<b>2.408.915.204</b>	<b>7.815.602.494</b>

## 5.20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	19.976.126.166	27.020.144.472
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	136.499.419	236.020.692
<b>Cộng</b>	<b>20.112.625.585</b>	<b>27.256.165.164</b>

## 5.21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	62.810.893.273	68.454.863.848
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.433.063.969	21.680.322.952
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc	-	8.316.929.186
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	39.599	-
<b>Cộng</b>	<b>110.243.996.841</b>	<b>98.452.115.986</b>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con	62.810.893.273	68.454.863.848
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</i>	32.750.356.722	26.742.827.831
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</i>	18.340.027.402	-
<i>Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình</i>	11.720.509.149	-
<i>Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn</i>	-	34.965.326.400
<i>Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận</i>	-	6.746.709.617
Lãi cho vay phải thu Công ty CII	9.620.021.167	11.187.810.571
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.872.344.444	-
Lãi cho vay phải thu Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	5.500.000	-
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc với Công ty CII	-	8.316.929.186
<b>Cộng</b>	<b>74.308.758.884</b>	<b>87.959.603.605</b>

## 5.22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí lãi vay	69.045.020.503	45.679.994.413
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	15.462.541.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	37.723
<b>Cộng</b>	<b>69.045.020.503</b>	<b>61.142.573.768</b>
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Chi phí lãi vay và lãi hợp tác đầu tư phải trả cho Công ty CII	29.600.587.452	5.948.193.016
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	15.462.541.632
<b>Cộng</b>	<b>29.600.587.452</b>	<b>21.410.734.648</b>

## 5.23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.581.551.749	1.830.268.703
Chi phí đồ dùng văn phòng	160.007.672	104.802.696
Chi phí khấu hao	82.944.390	82.944.390
Chi phí thuê văn phòng	297.000.000	253.500.000
Chi phí tiếp khách	194.716.182	183.803.161
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.157.738.947	933.545.993
<b>Cộng</b>	<b>3.473.958.940</b>	<b>3.388.864.943</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc  
Lữ Gia

	365.086.636	289.746.264
--	-------------	-------------

## 5.24 THU NHẬP KHÁC

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Điều chỉnh giảm các khoản người mua trả tiền trước không tiếp tục thực hiện hợp đồng	562.158.462	-
Thu nhập từ cho thuê xe	240.000.000	160.000.000
<b>Cộng</b>	<b>802.158.462</b>	<b>160.000.000</b>

*Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG

	240.000.000	160.000.000
--	-------------	-------------

## 5.25 CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê xe	193.694.019	127.494.953

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a - DN**5.26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.680.704.217	36.013.462.456
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	47.383.257.058	29.313.831.335
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(62.810.893.273)	(76.771.793.034)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>24.253.068.002</b>	<b>(11.444.499.243)</b>
Lỗi tính thuế mang sang	(24.253.068.002)	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>(11.444.499.243)</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

**5.27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân công	1.664.279.480	2.816.458.039
Chi phí khấu hao tài sản cố định	191.556.948	169.863.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.065.377.128	37.137.929.381
Chi phí bằng tiền khác	1.357.187.483	1.071.012.595
<b>Cộng</b>	<b>13.278.401.039</b>	<b>41.195.263.585</b>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>a. Giao dịch với công ty mẹ</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	36.250.000.000
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	50.477.000.000	-
Lãi vay hỗ trợ vốn đầu tư vào các dự án B.O.T chưa khai thác	3.296.738.400	3.296.738.400
Cho vay	-	118.545.000.000
Thu hồi tiền cho vay	12.142.688.373	212.354.835.291
Thu lãi cho vay	9.091.513.002	13.245.164.709
<b>b. Giao dịch với các công ty con</b>		
<b>Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn</b>		
Nhận tiền lợi nhuận được chia	17.302.827.614	34.965.326.400
Nhận tiền hoàn trả vốn góp từ công ty con	113.112.960.000	113.112.960.000
<b>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</b>		
Nhận tiền lợi nhuận được chia	24.400.000.000	24.000.000.000
Thu lãi cho vay	1.768.083.333	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a - DN****6.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận</b>		
Cho vay	11.000.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	11.000.000.000	-
Thu lãi cho vay	5.500.000	-
Chuyển tiền cho mượn	10.310.000.000	-
<b>Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình</b>		
Nhận tiền lợi nhuận được chia	18.000.000.000	20.000.000.000
<b>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</b>		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	20.329.405.199	17.342.007.900
Thu tiền dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	2.099.028.407	1.604.138.749
<b>Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII</b>		
Cho vay	140.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	500.000.000	-
Cho mượn không tính lãi	3.000.000	71.500.000
<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG</b>		
Thu tiền thuê xe	264.000.000	176.000.000
<b>Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia</b>		
Chi phí thi công xây lắp công trình	848.152.611	24.268.208.837
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	6.291.135.896	37.796.390.662
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ:</b>		
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lương và thưởng	1.697.273.962	1.610.113.762



**6.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Chi đầu tư vào công ty con	-	259.000.000.000
<b>Chi tiết tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Thu hồi vốn góp từ công ty con	113.112.960.000	113.112.960.000
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	259.000.000.000
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	-	36.250.000.000
	-	295.250.000.000
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	151.584.500.000	99.150.400.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	50.477.000.000	-
	202.061.500.000	99.150.400.000

**6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.315.704.764	30.223.894.915
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.570.124.282.797	1.599.040.738.971
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.152.956.553	16.705.346.085
<b>Cộng</b>	<b>1.640.592.944.114</b>	<b>1.645.969.979.971</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.322.893.798.925	1.524.955.298.925
Phải trả người bán và phải trả khác	304.386.442.911	69.079.803.869
Chi phí phải trả	4.754.499.598	5.946.666.183
<b>Cộng</b>	<b>1.632.034.741.434</b>	<b>1.599.981.768.977</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

## Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

## Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

## Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

## Rủi ro về giá

## Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

## 6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 30/06/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	304.386.442.911	-	304.386.442.911
Chi phí phải trả	4.754.499.598	-	4.754.499.598
Các khoản vay	969.610.230.000	353.283.568.925	1.322.893.798.925
<b>Cộng</b>	<b>1.278.751.172.509</b>	<b>353.283.568.925</b>	<b>1.632.034.741.434</b>
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	68.827.583.369	252.220.500	69.079.803.869
Chi phí phải trả	5.946.666.183	-	5.946.666.183
Các khoản vay	1.155.173.730.000	369.781.568.925	1.524.955.298.925
<b>Cộng</b>	<b>1.229.947.979.552</b>	<b>370.033.789.425</b>	<b>1.599.981.768.977</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.315.704.764	-	53.315.704.764
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.526.303.785.285	43.820.497.512	1.570.124.282.797
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.152.956.553	-	17.152.956.553
<b>Cộng</b>	<b>1.596.772.446.602</b>	<b>43.820.497.512</b>	<b>1.640.592.944.114</b>
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.223.894.915	-	30.223.894.915
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.268.733.995.983	330.306.742.988	1.599.040.738.971
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.705.346.085	-	16.705.346.085
<b>Cộng</b>	<b>1.315.663.236.983</b>	<b>330.306.742.988</b>	<b>1.645.969.979.971</b>

**6.4 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến 30 tháng 6 năm 2018, số liệu so sánh được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018



Dương Thị Nhung  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính  
Kế toán trưởng




Phạm Thế Chinh  
Tổng Giám đốc